

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/DS-ST

Ngày: 12 - 02- 2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 473/2025/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2024 Ga các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH ...

Trụ sở chính: PĐP, phường TA, quận NK, TP. CT

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Tấn Q – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Minh Ch, sinh năm 1997 (Theo giấy ủy quyền số 040 ngày 02/3/2024).

Địa chỉ: Số 93NVC, phường ĐK, Q1, TP HCM(có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H A, xã HL, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Nguyễn Minh Ch người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Từ năm 2018, nhằm thực hiện chương trình cánh đồng mơ ước, Công ty TNHH ... cùng với ông Nguyễn Văn G đã hợp tác cung ứng vật tư nông nghiệp nhằm để sản xuất nông sản. Ngày 01/12/2018, có ký kết hợp đồng hợp tác số 1173/2018/CĐMU. Nội dung hợp đồng Công ty sẽ cung cấp vật tư cho bên B là ông Nguyễn Văn G để ông sản xuất nông sản gồm hàng hóa do ông G đặt hàng tùy từng thời điểm và có nghĩa vụ thanh toán vào cuối vụ. Trường hợp bên B trả trước hạn sẽ được thưởng nếu trả trễ hạn sẽ chịu mức lãi phạt là 1,1%/30 ngày. Sau khi ký kết hợp đồng Công ty đã cung cấp cho ông G nhiều lần với nhiều hàng hóa.

Trong các lần mua hàng Công ty đều có xuất hóa đơn giá trị gia tăng nêu rõ từng mặt hàng ông G mua và phương thức thanh toán, thời gian thanh toán. Đến ngày 31 tháng 3 năm 2021, Ga Công ty và ông G có đối chiếu nợ và xác nhận nợ tổng cộng là nợ và phí phạt tổng cộng là 113.801.824 đồng. Sau khi đối chiếu nợ Công ty đã yêu cầu ông G nhiều lần thanh toán nợ nhưng ông G không thực hiện. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn G phải trả số tiền mua hàng hóa theo đối chiếu nợ là tổng cộng tiền hàng và phí phạt là 113.801.824 đồng. Đồng thời yêu cầu ông G phải trả lãi trong việc chậm trả số nợ tính từ ngày đối chiếu nợ ngày 31/3/2021 đến ngày 21/02/2024 là 34 tháng 20 ngày với lãi suất 10%/năm theo Điều 468 của Bộ luật dân sự 2025 là 32.876.082 đồng. Tổng cộng là 146.677.906 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt nợ trên.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Minh Ch người đại diện của Công ty TNHH ... rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc so với ban đầu. Nay chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn G trả số tiền mua hàng hóa số tiền mua hàng hóa theo các hóa đơn với tổng số tiền là 110.228.714 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 31/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 46 tháng với lãi suất mỗi tháng là 0.83% và lãi suất tính sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được Toà án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên toà đến lần thứ hai, nhưng Nguyễn Văn G vắng mặt không vì lý do bất khả kháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu Q điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn G phải trả số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đình chỉ một phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Q hệ tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH ... yêu cầu ông Nguyễn Văn G trả số tiền mua vật tư nông nghiệp nợ và lãi. Hội đồng xét xử xác định là Q hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Văn G có nơi cư trú tại Ấp H A, xã HL, huyện GR, tỉnh KG Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là phù hợp với quy định. Xét bị đơn ông Nguyễn Văn G vắng mặt căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Công ty TNHH ... yêu cầu ông Nguyễn Văn G trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ tổng số tiền theo các hóa đơn mua hàng là 110.228.714 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy Ga Công ty TNHH và ông Nguyễn Văn G có ký kết hợp đồng hợp tác ngày 01/12/2018 thỏa thuận phương thức giao hàng và thanh toán. Sau khi ký kết hợp đồng ông G đã mua vật tư nông nghiệp với nhiều mặt hàng được thể hiện theo hóa đơn từ năm 2018 đến năm 2019 (Bút lục từ số 24 đến 42) và theo sổ chi tiết đơn vị mua do công ty và ông G đã chốt nợ từ ngày 01/02/2021 đến ngày 31/3/2021 với tổng số tiền ông G còn nợ cuối kỳ là 113.801.824 đồng. Các hóa đơn mua hàng và đối chiếu công nợ đều được ông Nguyễn Văn G xác nhận ký tên. Trong quá trình thụ lý Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt văn bản tố tụng triệu tập ông G đến để làm việc và hòa giải cũng như đã tổng đạt Quyết định xét xử người thân vợ, con ông G đã nhận thay và cam kết thông báo với ông G, nên ông G đã biết việc Công ty khởi kiện nhưng ông G không có ý kiến phản bác với yêu cầu của nguyên đơn. Trong quá trình mua hàng đã đến hạn thanh toán nhưng ông G chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận và hiện tại còn nợ số tiền mua hàng theo các hóa đơn tổng số tiền là 110.228.714 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự

quy định: “*Nghĩa vụ trả tiền: Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng*”. Do đó buộc ông G phải có trách nhiệm trả cho công ty số tiền nợ là 110.228.714 đồng.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi của số tiền chưa thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy theo thỏa thuận mua hàng từ thời gian mua hàng sau 135 ngày phải có trách nhiệm trả số tiền mua hàng. Theo các hóa đơn mua hàng ông G đã vi phạm thời gian trả nợ. Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Theo hợp đồng hợp đồng hợp tác tại mục 3.3.2 Điều 3 quy định thanh toán trễ phải chịu lãi suất 1,1%/(30 ngày). Tuy nhiên Công ty yêu cầu ông G phải trả lãi theo quy định là 0,83%/ tháng là phù hợp với quy định là không được vượt quá 20%/năm được tính như sau: $110.228.714 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 46 \text{ tháng} = 42.085.322 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và một phần yêu cầu của Công ty TNHH ... có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Văn G phải trả tiền mua vật tư là 110.228.714 đồng và lãi là 42.085.322 đồng. Tổng cộng là 152.314.036 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu ba trăm mười bốn nghìn không trăm ba mươi sáu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu do đại diện nguyên đơn đã rút.

[5] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.667.000 đồng (Ba triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), do Nguyễn Minh Ch nộp thay theo biên lai thu tiền số 0002789 ngày 10/5/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $152.314.036 \text{ đồng} \times 5\% = 7.615.701 \text{ đồng}$ (Bảy triệu sáu trăm mười năm nghìn bảy trăm lẻ một đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 430; Điều 431; Điều 433; Điều 436; Điều 440 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Buộc ông Nguyễn Văn G phải trả tiền mua vật tư là 110.228.714 đồng và lãi là 42.085.322 đồng. Tổng cộng là 152.314.036 đồng .

Đình chỉ một phần yêu cầu do đại diện nguyên đơn đã rút.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí:

Trả lại tiền tạm ứng phí cho Công ty TNHH ... đã nộp là 3.667.000 đồng (Ba triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), do Nguyễn Minh Ch nộp thay theo biên lai thu tiền số 0002789 ngày 10/5/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn G, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 7.615.701 đồng (Bảy triệu sáu trăm mười năm nghìn bảy trăm lẻ một đồng).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn G vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

